

Chức – tác vụ

Khi dạy phụng vụ, các cha giáo chủng viện nói cho các chủng sinh biết nên dùng từ “chức phó tế”, “chức linh mục”. nhưng những truyền thông của giới Công Giáo thì thích dùng “trao tác vụ phó tế”, “trao tác vụ linh mục”. Vậy, “phó tế” và “linh mục” là tác vụ hay chức?

1. Nghĩa của những chữ chức, tác, vụ.

1.1. **Nghĩa của “chức”**¹. Chức có những chữ này 職 (职), 職, 織 (织), 結. Trong trường hợp này là chữ này 職, vốn có nghĩa là ghi những điều đã xem xét kỹ, biết rõ phần huyền diệu bí ẩn bên trong, vì thế chữ 職 là do bộ 耳 (chỉ nghĩa) (nhĩ nghĩa là tai, là nghe) và chữ 戠 (chỉ âm đọc) (thức, là chữ mới đầu của chữ 識 – thức, có nghĩa xem xét kỹ để biết; chia loại). Nghĩa của chữ diễn tiến thế này: (đt.) Quan chức nghe lấy ý dân và ghi chép → (đt.) Chủ quản: *Chức năng* → (đt.) Trách nhiệm, nhiệm vụ: *Công chức* → (đt.) Diễn nghĩa ra cương vị: *Chức quyền*. Hiện nay chữ này có nghĩa: (đt.) (1) Việc quan, công vụ, bổn phận: *Xứng chức* (xứng đáng với cái chức của mình), công vụ, bổn phận: *Xứng chức* (xứng đáng với cái chức của mình), *tử chức* (chức phận làm con), *phụ chức* (chức phận làm vợ). (2) **Bổn phận**: *Thiên chức*. (3) Phân loại chức quan: *Văn chức* (chức văn), *vũ chức* (chức võ). (4) Chur hầu vào châu thiên tử, cấp dưới tự xưng đối với cấp trên: *Thuật chức* (bày kể công việc của mình làm), *chức đẳng bái tạ* (chúng tôi cảm ơn). (5) Cống phẩm: *Từ di nạp chức* (rợ mọi bốn phương nộp cống phẩm). (6) Thuế: *Phân chức* (phân chia loại thuế). (7) Gọi tắt của trường nghề: *Thương chức* (trường dạy thương nghiệp). (8) Nhiệm sở: *Tựu chức* (đến sở làm, tới nhận nhiệm vụ) (9) Phạm vi quản lý: *phân chức* (chia phần quản lý). Họ Chức. (đt.) (10) Quản lý, nắm giữ: *Chức chương đại quyền*

(quyền quản lý lớn). (pht.) (11) Bởi vì: *Chức thị chi cố* (bởi vì cố ấy). (trợ từ) (12) Chỉ: *Chức thử nhi dĩ* (chỉ vì thế thôi).

Nghĩa Nôm: (đt.) Quyền tước, danh phận: *Chức việc, lên chức*.

1.2. **Nghĩa của “tác”**. Tác có hai chữ: 作, 索 (còn đọc sách). Trong thuật từ tác vụ là chữ 作, nghĩa là (đt.) (1) Tác phẩm văn học nghệ thuật: *Giai tác* (Tác phẩm nghệ thuật tốt). (2) Sự nghiệp: *Đại tác* (sự nghiệp lớn). (đt.) (3) Nhắc lên, bưng lên: *Chấn tác tinh thần* (nâng cao tinh thần lên). (4) Làm, làm nên: *Tác báo cáo* (làm bài tường trình). (5) Nổi lên: *Thương thanh đại tác* (tiếng sừng nổi lên) (6) Sáng tác: *Tác thi* (sáng tác thơ). (7) Làm việc: *Tác tức* (làm việc và nghỉ ngơi) (8) Tiến hành: *Tác chiến* (tiến hành chiến tranh). (9) Nhận xét sai: *Nhận tặc tác phụ* (tưởng lầm giặc là bố). (10) Biểu hiện ra: *Tác nan* (biểu hiện ra khó chịu). (11) Giải vờ: *Cố tác nộ* (vờ giận). (12) Kể như: *Quá kỳ tác phé* (quá hạn kể như bỏ đi). (13) Xảy ra: *Phát tác, phát ra*. (14) Làm nghề nông: *Canh tác*. (15) Tiến hành một việc: *Tác chứng* (làm chứng). (16) Trở thành: *Tác quan* (làm quan). (17) Chế tạo: *Thiên tác cao sơn* (trời chế tạo núi cao). (18) Dậy ban sáng: *Nhật xuất nhi tác*. (19) Cảm giác: *Tác lãnh* (thấy lạnh). (20) Đóng vai: *Tác ngôn phiên* (làm thông ngôn).

Nghĩa Nôm: (1) Tiếng đệm: *Tuổi tác, trong tác*. (2) Vỡ vụn: *Tan tác*. (3) Tiếng gà mái: *Con gà cục tác lá chanh*. (4) Tượng thanh, tiếng con mang, hươu kêu.

1.3. **Nghĩa của “vụ”**, Vụ có những chữ: 務 (务), 霧 (雾), 霰, 霧, 驚 (驚), 驚 (驚), 娶. Ở đây là chữ 務, nghĩa là (đt.) (1) Việc: *Thứ vụ* (các việc). (2) Sở thu thuế. (3) Họ Vụ. (đt.) (4) Chuyên, chăm: *Tham đa vụ đắc* (chỉ cốt tham lấy cho nhiều). (5) Làm theo nghề: *Vụ nông* (làm nghề nông nghiệp) (pht.) (6) Tắt phải, cần: *Vụ tất* (cần thế).

Nghĩa Nôm: (đt.) (1) Mùa, thời kỳ của một công việc sản xuất hoặc gắn với sản xuất: *Vụ gặt*. (2) Cơ quan chuyên môn ngành dọc trong một bộ: *Vụ*

¹ X. “Bài Giảng Chúa Nhật”, số 7, năm 2009

kế hoạch, vụ phó, vụ trưởng. (3) Sở thu thuế cũng gọi là vụ. (4) Ty: *Vụ lễ tân.* (5) Ân: *Vụ giết người.* (6) Sự kiện: *Tháng trước xảy ra ba vụ.* (7) Dùng như mao từ: *Vụ đảo chánh.* (tt.) (8) Biêng nhác: *Vụ vựa, vụ vựa, vụ vựa.*

1.4. **Nghĩa của tác vụ:** tác là làm, vụ là việc, tác vụ nghĩa là việc làm, nó chỉ một số công việc trong chức vụ.

2. Phó tế và linh mục.

2.1. **Phó tế.** Phó tế là gì? Phó tế tiếng La Tinh là diaconus, Hy Lạp là diakonos (Anh: deacon), nghĩa là người phục vụ của Hội Thánh. Thời các Thánh Tông Đồ đã có chức Phó Tế, Các Thánh tông Đồ đã chọn bảy người, trao trách nhiệm phục vụ việc ăn uống cho các tín hữu sơ khai. Chức vụ Phó Tế bắt nguồn từ thời các Thánh Tông Đồ chọn bảy người “được tiếng tốt, đầy Thần Khí, và khôn ngoan” để các Tông Đồ đặt tay cầu nguyện và trao cho nhiệm vụ phục vụ việc ăn uống cho các tín hữu sơ khai, đặc biệt cho các “*bà goá Do Thái theo văn hoá Hy Lạp*”. Công việc này được giao cho họ để giúp các Tông Đồ rảnh rang “*chuyên lo cầu nguyện và phục vụ lời Chúa*” (x. Cv 6: 1-2). Hiện nay chức phó tế là một trong ba chức thánh (Ordo), nên họ không còn làm những việc phục vụ thuần vật chất như xưa kia nữa, mà chủ yếu là phục vụ bàn thánh với linh mục và giám mục.

Phó tế là chức vụ đến từ hồng ân Thiên Chúa, là cấp bậc đầu tiên trong hàng Giáo sĩ gồm ba bậc: phó tế, linh mục và giám mục. Phó tế là để phục vụ cộng đoàn qua ba bàn tiệc: bàn tiệc Lời Chúa, bàn tiệc Thánh Thể, bàn tiệc phục vụ trong tình bác ái. (GLGHC năm 1997, số1596). Nên phó tế là một chức vụ.

2.2. **Linh mục.** Tiếng La Tinh là presbyter (Anh: priest) nghĩa là trưởng lão. Linh mục là chứng tá cho chân lý và sự sống cho mọi người qua cách ứng xử và việc ân cần chăm sóc đầy tình hiền phụ (Hiến chế Giáo Hội số 28). Linh mục chia sẻ ba chức vụ của Chúa Giêsu: tư tế, tiên tri và vương đế, nhưng liên kết với giám mục trong phẩm chức tư tế và tùy thuộc các

ngài trong công tác mục vụ.

3. **Kết luận.** Hội Thánh có bảy bí tích, bí tích dành riêng cho những người được tiến cử vào phó tế, linh mục hay giám mục, gọi là bí tích Truyề Chức Thánh. Thuật từ “tác vụ” chỉ về công việc, nhiệm vụ, “chức là thân phận. Cho nên phải nói là *chức phó tế, chức linh mục* mới đúng. Đức Cha Phêrô Nguyễn Văn Khảm trong bài giảng phong chức phó tế ngày 26-05-2012 cho biết linh mục hay phó tế “*trích dẫn sách giáo lý Công Giáo là hồng ân của Chúa thánh thần cho phép một người được thực thi quyền thánh chức, và quyền này chỉ có thể pháp xuất từ Chúa Kitô và hội thánh của Chúa mà thôi, ...Hiện hữu luôn luôn đi trước hành động, phải có chức linh mục thực tác, sau đó mới nói đến thừa tác vụ linh mục.*” Cho nên phải nói là truyền *chức linh mục hay phó tế*, chứ không thể nói là *trào tác vụ linh mục hay phó tế*.